

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Thời điểm chốt số liệu giải ngân: Đến hết ngày 22/12/2022)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Hà Quảng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 22/12/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
							Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
I	2	6	7	8=7/6	9	10=9/6	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG SỐ:	133.747.000	29.945.552	22.39	53.817.409	40.24	0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	81.656.500	61.05			
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (03 CT)	133.747.000	29.945.552	22.39	53.817.409	40.24	-	-	-	-	-	81.656.500	61.05			
C.1.	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ	55.038.000	12.174.597	22.12	21.266.640	38.64						42.302.000	76.86			
I	Dự án 1: Cấp nước sinh hoạt, đất ở, nhà ở, đất sản xuất	6.958.000	1.892.850	27.20	3.200.000	45.99						2.947.500	42.36			
a)	Nước sinh hoạt tập trung	6.000.000	1.892.850	31.55	3.200.000	53.33						330.000	5.50			
I	Dự án khởi công mới năm 2022	6.000.000	1.892.850	31.55	3.200.000	53.33						330.000	5.50			
1.1.	Bể nước nước sinh hoạt tập trung Keng Tao Lũng Mới, xã Quý Quán, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.100.000	392.900	35.718	600.000	54.55						330.000	30.00			
1.2.	Bể nước nước sinh hoạt tập trung, Lũng Rì (Lũng Nhùng) xã Quý Quán, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.100.000	380.980	34.635	600.000	54.55						400.000	36.36			
1.3.	Bể nước nước sinh hoạt tập trung xóm Xam Kha xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.200.000	132.120	11.01	600.000	50.00						360.000	30.00			
1.4.	Bể nước nước sinh hoạt tập trung xóm Tự Do, xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.300.000	499.930	38.46	600.000	46.15						390.000	30.00			
1.5.	Bể nước nước sinh hoạt tập trung Lũng Rì (Ngọc Sỹ) xóm Ngọc Sỹ xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.300.000	486.920	37.46	800.000	61.54						550.000	42.31			
b)	Hỗ trợ đất ở (Hộ)	440.000		-		-							-			giảm không thực hiện vì thiếu văn bản hướng dẫn
I	Năm 2022	440.000		-		-							-			
	Lương Can												-			
	Cản Nông												-			
	Quý Quán												-			
	Đa Thông												-			
c)	Hỗ trợ đất sản xuất (hộ)	518.000		-		-							-			giảm không thực hiện vì thiếu văn bản hướng dẫn
I	Năm 2022	518.000		-		-							-			
	Lương Can												-			
	Trưởng Hà												-			
	Cản Nông												-			
	Quý Quán												-			
	Đa Thông												-			
	Cải Viên												-			
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	5.700.000	282.166	4.95	1.000.000	17.54	-	-	-	-	-	1.710.000	30.00			
*	BỐ TRÍ, SẮP XẾP HỘ DTTS CÒN DU CANH, DU CƯ	5.700.000	282.166	4.95	1.000.000	17.54						1.710.000	30.00			
1	Dự án Định canh, định cư Tà Cản, xã Tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	5.700.000	282.166	4.95	1.000.000	17.54						1.710.000	30.00			
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	39.665.000	9.999.581	25.21	17.066.640	43.03						19.832.500	50.00			
*	Dự án khởi công mới năm 2022											-				
a	Cứng hóa đường từ huyện đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	10.200.000	5.687.700	132	6.454.360	231	-	-	-	-	-	4.920.000	48.24			
1	Đường GTNT liên xã Nà Tôm xã Lương Thông - Nà Ngâm, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	3.200.000	2.084.590	65.143	2.051.250	64.10						2.500.000	78.13			
2	Đường GTNT liên xã, Pò Rài xã Nội Thôn - Tà Cản xã Tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	5.400.000	3.603.110	66.72	3.603.110	66.72						1.620.000	30.00			
	Chuẩn bị đầu tư năm 2023											-				

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Lấy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 22/12/2022	Tỷ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỷ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
							Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỷ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
3	Đường GTNT Thị trấn Xuân Hòa - xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	800.000		-	400.000	50.00						400.000	50.00			
4	Đường giao thông liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	800.000		-	400.000	50.00						400.000	50.00			
b	Xây mới chợ	300.000	0.000	-	-	-	-	-	-	-	-	150.000	50			
1	Xây mới Chợ Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	300.000		-		-						150.000	50.00			
c	Xây mới trạm y tế	1.320.000	184.097	14	800.000	61	-	-	-	-	-	660.000	50			
1	Xây mới trạm y tế Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.320.000	184.097	13.95	800.000	60.61						660.000	50.00			
d	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế	1.600.000	280.323	35	800.000	100	-	-	-	-	-	480.000	60			
1	Trạm y tế xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	800.000	44.363	5.55	400.000	50.00						240.000	30.00			
2	Trạm Y tế thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	800.000	235.960	29.50	400.000	50.00						240.000	30.00			
e	CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN	26.245.000	3.847.461	14.66	9.012.280	34.34	-	-	-	-	-	10.472.300	39.90			
1	Xã Cản Nông	1.775.000	0.000	-	300.000	16.90	-	-	-	-	-	250.000	14.08			
a	Dự án khởi công mới năm 2022	1.575.000	0.000	-	300.000	19.05	-	-	-	-	-	150.000	9.52			
1.1.	Đường GTNT Xóm Bó Thầu, xóm Tả Cáp đến xóm Nà Ca, xã Cản Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1,075.000		-		-							-			giảm không thực hiện vì trùng với đoàn 799 đã có NQ số 76 HĐND tỉnh giảm
1.2.	Mương thủy lợi Tả Cáp (Nà Rào), xã Cản Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	500.000		-	300.000	60.00						150.000	30.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	200.000		-		-						100.000	50.00			
1.3.	Nâng cấp đường GTNT UBND xã - Ngườm Quốc, xã Cản Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			
1.4.	Mương thủy lợi Nà Ca, xã Cản Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			
2	Xã Cản Yên	1.866.000	977.330	95	900.000	105	-	-	-	-	-	599.800	32.14			
a	Dự án khởi công mới năm 2022	1.666.000	977.330	95	900.000	105	-	-	-	-	-	499.800	30.00			
2.1.	Đường GTNT Xam Kha - Cốc Lại, xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1,033.000	977.330	94.61	600.000	58.08						309.900	30.00			
2.2.	Mương Ca Rinh, xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	633.000		-	300.000	47.39						189.900	30.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	200.000	0.000	-	-	-	-	-	-	-	-	100.000	50.00			
2.3	Đường Nội Đồng Bàn Gai - Bó Rằng, xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			
2.4.	Mương Lũng Bùng, xã Cản Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			ĐT 2023
3	Xã Đa Thông	720.000	0.000	-	250.000	63	-	-	-	-	-	360.000	50.00			
a)	Công trình khởi công mới năm 2022	520.000	0.000	-	250.000	63	-	-	-	-	-	260.000	50.00			
3.1.	Đường GTNT Phía Viêng - Lũng Kinh, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	120.000		-		-						60.000	50.00			
3.2	Công trình nước Khuổi Mỏ, Nà Thôm, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	400.000		-	250.000	62.50						200.000	50.00			ĐT 2022
b)	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	200.000	0.000	-	-	-	-	-	-	-	-	100.000	50.00			
3.3.	Đường nội đồng Đà Sa - Nà Khau, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			
3.4.	Đường nội đồng Phai Piêu - Bàn Chang, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			ĐT 2023
4	Xã Hồng Sỹ	1.818.000	100.000	100	900.000	199	-	-	-	-	-	635.400	34.95			
a)	Công trình khởi công mới năm 2022	1.718.000	100.000	100	900.000	199	-	-	-	-	-	585.400	34.07			
4.1.	Đường GTNT từ Lũng Cầm đến Kinh Cú, xóm Lũng Ngần, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	809.000		-	400.000	49.44						242.700	30.00			
4.2.	Mở mới đường GTNT từ Lũng Hâu đến Lũng Túm, xóm Lũng Ngần, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000	100.000	100.00	100.000	100.00						100.000	100.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 22/12/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú			
							Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác	
4.3.	Đường GTNT Sông Giang, Lũng Lặc, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	809.000		-	400.000	49.44						242.700	30.00				ĐT 2022
b)	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	100.000	0.000	-	-	-	-	-	-	-	-	50.000	50.00				
4.4.	Nâng cấp đường GTNT Lũng Bông - Khau Sớ, xóm Lũng Bông, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00				
5	Xã Mã Ba	1.818.000	809.000	100	1.209.000	149	-	-	-	-	-	1.151.700	63.35				
a	Công trình khởi công mới năm 2022	1.618.000	809.000	100	1.209.000	149	-	-	-	-	-	1.051.700	65.00				
5.1.	Nâng cấp đường GTNT Trụ sở UBND xã - xóm Ràng Khoen, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	809.000	809.000	100.00	809.000	100.00						809.000	100.00				
5.2.	Bể nước công cộng xóm Ràng Khoen, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	809.000		-	400.000	49.44						242.700	30.00				ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	200.000	0.000	-	-	-	-	-	-	-	-	100.000	50.00				
5.3.	Đường GTNT Mạ Ràng - Lũng Hoài, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00				
5.4.	Bể nước sinh hoạt công cộng xóm Lũng Hoài, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00				ĐT 2023
6	Xã Ngọc Động	1.629.000	279.790	37	650.000	93	-	-	-	-	-	528.700	32.46				
a	công trình khởi công mới năm 2022	1.429.000	279.790	37	650.000	93	-	-	-	-	-	428.700	30.00				
6.1	Đường GTNT Phiêng Pục - Bó Mọc, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	929.000	202.880	21.84	400.000	43.06						278.700	30.00				
6.2.	Công trình nước sinh hoạt xóm Ngọc Chung, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	500.000	76.910	15.38	250.000	50.00						150.000	30.00				ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	200.000	0.000	-	-	-	-	-	-	-	-	100.000	50.00				
6.3.	Đường GTNT UBND xã - Hòa Trung, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	200.000		-		-						100.000	50.00				
7	Xã Thượng Thôn	1.831.000	166.600	16	700.000	98	-	-	-	-	-	709.300	38.74				
a	Công trình khởi công mới năm 2022	1.431.000	166.600	16	700.000	98	-	-	-	-	-	509.300	35.59				
7.1.	Bê tông tuyến Tây Dưới - Lũng Vần, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.031.000	166.600	16.16	500.000	48.50						309.300	30.00				
7.2.	Bê tông Thượng Sơn, Đông Neo, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	400.000		-	200.000	50.00						200.000	50.00				ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	400.000		-		-						200.000	50.00				
7.3.	Bê tông tuyến Cá Thỏ - Nặm Nà, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	200.000		-		-						100.000	50.00				
7.4.	Bê tông đường GTNT Cà Giang -Lũng Xám, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	200.000		-		-						100.000	50.00				ĐT 2023
8	Xã Nội Thôn	1.821.000	161.530	10	500.000	31	-	-	-	-	-	586.300	32.20				
a	Công trình khởi công mới năm 2022	1.621.000	161.530	9.96	500.000	30.85						486.300	30.00				
8.1.	Đường GTNT Lũng Mẩn - Khuổi Phia, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	810.000	161.530	19.94	500.000	61.73						324.000	40.00				
8.2.	Bê tông mặt đường Làng Lý - Bàn Kheng, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	811.000		-	400.000	49.32						405.500	50.00				ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	200.000		-		-						100.000	50.00				
8.3.	Nước sinh hoạt xóm Lũng Pô, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00				
8.5.	Bể nước công cộng xóm Pác Hoan, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00				ĐT 2023
9	Xã Quý Quân	725.000		-		-						217.500	30.00				
a	Công trình khởi công mới năm 2022	425.000		-		-						212.500	50.00				
9.1.	Điện sinh hoạt xóm Lũng Mới, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	125.000		-		-						62.500	50.00				
9.2.	Công trình nước SHTT xóm Bàn Láp, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	300.000		-		-						90.000	30.00				ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	300.000		-		-						150.000	50.00				
9.3.	Đường GTNT Tênh Cà Lừa Lũng Xám, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00				
9.4.	Cải tạo, nâng cấp đường Bắc Phương Lũng Mới, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00				
9.5.	Đường GTNT Lũng Xám, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00				
10	Xã Thanh Long	1.741.000	107.290	6.16	300.000	17.23						870.500	50.00				

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 22/12/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
							Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
a	Công trình khởi công mới năm 2022	1,541.000	107.290	6.96	300.000	19.47						770.500	50.00			
10.1.	Mương thủy lợi xóm Tấp Nả, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	771.000	107.290	13.92	300.000	38.91						385.500	50.00			
10.2.	Bể nước sinh hoạt xóm Bình Minh, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	770.000		-	300.000	38.96						385.000	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	200.000		-		-						100.000	50.00			
10.3.	Xây mới mương Tân Lý, xóm Gàng Thương, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			
10.4.	Mương thoát lũ Bản Đâu, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			ĐT 2023
II	Xã Tổng Cốt	935.000	50.050	5.35	250.000	26.74						467.500	50.00			
a	công trình khởi công mới năm 2022	635.000	50.050	7.88	250.000	39.37						317.500	50.00			
11.1.	Đường GTNT Cốt Nưa - Lũng Mẩn, xã Tổng Cốt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	135.000		-		-						67.500	50.00			
11.2.	Mương Thủy Lợi dẫn nước vào ruộng Nậm rặng xóm Kéo Sỷ, xã Tổng Cốt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	500.000	50.050	10.01	250.000	50.00						250.000	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	300.000		-		-						150.000	50.00			
11.3.	Mương Thủy Lợi Rặng Hân xóm Kéo Sỷ, xã Tổng Cốt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	200.000		-		-						100.000	50.00			
11.4.	Mương Thủy Lợi xóm Cốt Phố 01 tuyến Rặng Pù - Lũng Khuyen xã Tổng Cốt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			
12	Xã Lương Thông	1.667.000	163.490	9.81	500.000	29.99						833.500	50.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022	1.367.000	163.490	11.96	500.000	36.58						683.500	50.00			
12.1.	Đường giao thông Lũng Rịch - Rặc Rầy, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.067.000	163.490	15.32	500.000	46.86						320.100	30.00			
12.2.	Công Trình nước Tập Trung Tả Bốc, xóm Kim Cúc, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	300.000		-	150.000	50.00						150.000	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	300.000	0.000	-		-						150.000	50.00			
12.3.	Bê tông đường GTNT xóm Trà Dù, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	150.000		-		-						75.000	50.00			
12.4.	Làm mới nước SHTT Nà Tôm, Quang Chung 2, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	150.000		-		-						75.000	50.00			
13	Xã Cài Viên	950.000	0.000	-	250.000	26.32						285.000	30.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022	650.000	0.000	-	250.000	38.46						325.000	50.00			
13.1.	Đường GTNT từ nhà văn hóa Lũng Đa - nhóm Lũng Rầu B, xóm Nhi Đù, xã Cài Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	150.000		-		-						75.000	50.00			
13.2.	Xây bể nước SHTT Nhóm hộ Đông Cò (xóm Đông Cò), xã Cài Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	500.000		-	250.000	50.00						250.000	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	300.000		-		-						150.000	50.00			
13.3.	Đường GTNT Lũng Đa - Cò Mười, xã Cài Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	200.000		-		-						100.000	50.00			
13.4.	Xây bể nước SHTT nhóm hộ Tềng Pô thuộc xóm Chông Mạ, xã Cài Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			ĐT 2023
14	Xã Yên Sơn	1.727.000	162.280	9.40	162.280	9.40						518.100	30.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022	1.427.000	162.280	11.37	162.280	11.37						713.500	50.00			
14.1.	Mương thủy lợi xóm Cốc Chà xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.027.000	162.280	15.80	162.280	15.80						513.500	50.00			
14.2.	Bể nước sinh hoạt xóm Vài Thai xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	400.000		-		-						200.000	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	300.000		-		-						150.000	50.00			
14.3.	Đường GTNT Nậm Cốp- Cốc Tầm xóm Bình Minh, xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	200.000		-		-						100.000	50.00			
14.4.	Công trình nước SHTTcụm dân cư xóm Ngâm Vạng, xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			ĐT 2023
15	Xã Lũng Nậm	1.326.000	264.850	88	600.000	148						-	-			
a	Công trình khởi công mới năm 2022	1.026.000	264.850	88	600.000	148						813.000	250			
15.1.	Cầu vượt lũ xóm Lũng Luông xã Lũng Nậm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	300.000	264.850	88.28	300.000	100.00						300.000	100.00			

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 22/12/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
							Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
15.2.	Công trình nước SHTT điểm nhóm dân cư Cà Má, xóm Nậm Nhũng, xã Lũng Nậm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			
15.3	Công trình nước SHTT xóm Nậm Sắn, xã Lũng Nậm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	626.000		-	300.000	47.92						313.000	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	300.000		-		-						150.000	50.00			
15.4	Mở mới đường GTNT Lũng In- Lũng Chấn, xã Lũng Nậm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	200.000		-		-						100.000	50.00			
15.5.	CT nước SHTT điểm nhóm dân cư Nậm Nhũng Bản, xã Lũng Nậm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			ĐT 2023
16	Xã Trường Hà	1.510.000	97.410	6.45	600.000	39.74						453.000	30.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022	1.210.000	97.410	8.05	600.000	49.59						605.000	50.00			
16.1.	Điện sinh hoạt xóm Hồng Việt - Mã Lip - Lũng Lông, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	125.000		-		-						62.500	50.00			
16.2	Bể nước sinh hoạt TT xóm Pò Xà, Mã Lip, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	400.000	97.410	24.35	300.000	75.00						200.000	50.00			
16.3.	Bể nước TT Nậm Lìn, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	300.000		-	150.000	50.00						150.000	50.00			ĐT 2022
16.4	Bể nước tập trung Thôn Tấu xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	385.000		-	150.000	38.96						192.500	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	300.000		-		-						150.000	50.00			
16.5.	Bể nước tập Lũng Loông, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			ĐT 2023
16.6	Bể nước tập trung Mã Lip, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			ĐT 2023
16.7	Bể nước tập trung Lũng Pia, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			ĐT 2023
17	Xã Sóc Hà	641.000	410.200	63.99	641.000	100.00						320.500	50.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022	641.000	410.200	63.99	641.000	100.00						320.500	50.00			
17.1.	Nâng cấp đập, mương Cầu Máng xóm Nà Cháo xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	200.000	200.000	100.00	200.000	100.00						200.000	100.00			
17.2.	Đường GTNT xóm Lũng Cùm- Lũng Sầu, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	441.000	210.200	47.66	441.000	100.00						220.500	50.00			
18	Xã Ngọc Đào	213.000		-		-						106.500	50.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022	113.000		-		-						56.500	50.00			
18.1.	Đường GTNT Xóm Nà Giáo, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	113.000		-	113.000	100.00						56.500	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	100.000		-		-						50.000	50.00			
18.2	Xây dựng bể chứa nước Nóc Mò - Nà Giáo, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			ĐT 2023
19	Xã Lương Can	465.000		-		-						232.500	50.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022	265.000		-		-						132.500	50.00			
19.1	Đường GTNT Pác Thín, xóm Pác Thín, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	65.000		-		-						32.500	50.00			
19.2	Công trình nước SHTT Khuổi Xôm- Đồng Máy, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	200.000		-		-						100.000	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	200.000		-		-						100.000	50.00			
19.3.	Đường Láng Can - Roong Thốc, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			
19.4.	Công trình nước SHTT Nà Tiêu, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			ĐT 2023
20	Thị trấn Xuân Hòa	854.000	97.641	11.43	300.000	35.13						427.000	50.00			
a	Công trình khởi công mới năm 2022	654.000	97.641	14.93	300.000	45.87						327.000	50.00			
20.1	Đường GTNT xóm Khuổi Pàng, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	454.000	97.641	21.51	200.000	44.05						227.000	50.00			
20.2	Đường GTNT xóm Yên Luật, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	200.000		-	100.000	50.00						100.000	50.00			ĐT 2022
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	200.000		-		-						100.000	50.00			
20.3.	Đường giao thông nội đồng xóm Nà Vạc, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			ĐT 2023
20.4.	Công trình nước SHTT xóm Yên Luật, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50.00			ĐT 2023

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 22/12/2022	Tỷ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỷ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú			
							Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỷ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác	
21	Thị trấn Thông Nông	213.000		-		-						106.500	50,00				
a	Công trình khởi công mới năm 2022	113.000		-		-						56.500	50,00				
21.1	Xây mới công trình thủy lợi nhỏ (Khu ruộng Ma Lò) tổ 6, thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	113.000		-	113.000	100,00						56.500	50,00				
b	Chuẩn bị đầu tư năm 2023	100.000		-		-						50.000	50,00				
21.2	Cấp nước sinh hoạt Tổ 6, thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	100.000		-		-						50.000	50,00				
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	1.780.000		-		-						890.000	50,00				
	Đầu tư trường PT Dân tộc bán trú	1.780.000		-		-						890.000	50,00				
1	Công trình khởi công mới năm 2022	180.000		-		-						90.000	50,00				
	Trường PT Dân tộc bán trú THCS Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	180.000		-		-						90.000	50,00				
2	Công trình khởi công mới năm 2023 - 2025	1.600.000		-		-						800.000	50,00				
2.1.	Trường PT DTBT THCS Năm Nhũng, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	150.000		-		-						75.000	50,00				
2.2.	Trường PT DTBT THCS Cai Viên, xã Cai Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	150.000		-		-						75.000	50,00				
2.3.	Trường PTDTBT TH&THCS Ngọc Động, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Dự kiến thành lập năm 2024)	450.000		-		-						225.000	50,00				
2.4.	Trường PTDTBT THCS Thượng Thôn, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Dự kiến thành lập năm 2023)	450.000		-		-						225.000	50,00				
2.5.	Trường PTDT BT TH&THCS Bình Lãng, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (Dự kiến thành lập năm 2025)	400.000		-		-						200.000	50,00				
V	DỰ ÁN 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	900.000		-		-						450.000	50,00				
*	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu.											-					
I	Công trình khởi công mới năm 2022	300.000		-	300.000	100,00						150.000	50,00				
	Hỗ trợ đầu tư điểm du lịch cộng đồng tại Nặm Ngựa, xã Ngọc Động, (giai đoạn 1)	200.000		-	200.000	100,00						100.000	50,00				
	Hỗ trợ đầu tư điểm du lịch cộng đồng tại xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (giai đoạn 1)	100.000		-	100.000	100,00						50.000	50,00				
**	Đầu tư xây dựng Nhà văn hóa xóm	600.000		-		-						300.000	50,00				
	Năm 2022	600.000		-		-						300.000	50,00				
	Xóm Lũng Lông, Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	300.000		-		-						150.000	50,00				
	Xóm Yên Luật, thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	300.000		-		-						150.000	50,00				
VI	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	35.000		-		-						17.500	50,00				
	Tiểu DA 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	35.000		-		-						17.500	50,00				
	Dự án khởi công mới năm 2022	35.000		-		-						17.500	50,00				
	Hỗ trợ đầu tư điểm du lịch cộng đồng tại Nặm Ngựa, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (giai đoạn 1)	30.000		-		-						15.000	50,00			không thực hiện đã có NQ HĐND tỉnh giảm	
	Hỗ trợ đầu tư điểm du lịch cộng đồng tại xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (giai đoạn 1)	5.000		-		-						2.500	50,00			không thực hiện đã có NQ HĐND tỉnh giảm	
C.2.	VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIÀM NGHEO BỀN VỮNG	56.625.000	17.670.815	31.21	20.230.769	35,73						28.312.500	50,00				
I	Dự án 1: Đầu tư cơ hạ tầng huyện nghèo	56.625.000	17.670.815	31.21	20.230.769	35,73						28.312.500	50,00				
a	Dự án khởi công mới năm 2022	52.625.000	17.670.815	33,58	20.230.769	38,44						26.312.500	50,00				
*	Công trình không thực hiện theo cơ chế đặc thù	46.625.000	17.670.815	37,90	20.230.769	885	-	-	-	-	-	23.312.500	50,00				
a.1	Công trình giao thông liên xã	46.625.000	17.670.815	37,90	20.230.769	885	-	-	-	-	-	23.747.500	50,93				
1	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Khau Dưa, Xã Cản Nông - Xóm Lũng Tỷ, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	325.000		-	-	-						97.500	30,00				

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 22/12/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú			
							Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác	
2	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Phia Khao, Yên Sơn - xóm Nậm Ngừa, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2.000.000	244.880	12.24	244.880	12.24						600.000	30.00				
3	Đường giao thông liên xã: Lũng Nặm - Cài Viên (Nhánh vào trụ sở Cài Viên), huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	175.000		-		-						87.500	50.00				
4	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Pác Ngâm, Đa Thông - Xóm Ngọc Sỹ, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	3.000.000	203.710	6.79	1.000.000	33.33						900.000	30.00				
5	Đường giao thông liên xã: Ngọc Đào - Xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng (đoạn Chấm ché - Cốc Đũa)	4.500.000	2.646.570	58.81	2.646.570	58.81						2.500.000	55.56				
6	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Kính Trên, Xã Hồng Sỹ - Xóm Pái Bá, Tổng Cốt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	3.000.000	297.029	9.90	297.029	9.90						900.000	30.00				
7	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Nhũng, Quý Quán - Xóm Lũng Vai, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	250.000		-		-						125.000	50.00				
8	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Yên Luật, TT Xuân Hòa - Xóm Đảo Bắc, Xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	175.000		-		-						175.000	100.00				
9	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Đầu Hồng Sỹ - Xóm Nóc Mỏ, Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.500.000	1.000.220	66.68	1.000.220	66.68						1.500.000	100.00				
10	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Lũng Kinh, Xã Đa Thông - Xóm Lũng Vai, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao	225.000		-		-						225.000	100.00				
11	Đường giao thông liên xã: Đoạn Co Phầy - Tả Piếu, Nội Thôn - Ngườm Vải, xã Cài Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	300.000		-		-						150.000	50.00				
12	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Nà Giáo Ngọc Đào - Làng Linh, Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.	2.500.000		-	1.000.000	40.00						1.250.000	50.00				
13	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Kính Dưới, xã Hồng Sỹ - Xóm Lũng Niêng, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng.	3.000.000	2.142.040	71.40	2.500.000	83.33						2.500.000	83.33				
14	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Bản Bó Ngọc Đào - Xóm Thành Công, xã Mã Ba, huyện Hà Quảng.	3.500.000	2.081.690	59.48	1.000.000	28.57						2.500.000	71.43				
15	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Làng Lý, Nội Thôn - Xóm Bản Khêng, xã Cài Viên, huyện Hà Quảng	250.000		-		-						125.000	50.00				
16	Điện sinh hoạt xóm Nà Cháo, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	925.000	45.350	4.90	500.000	54.05						462.500	50.00				
17	Điện Sinh hoạt Tán Hâu, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng	1.500.000	144.130	9.61	800.000	53.33						750.000	50.00				
18	Trường Tiểu học Nà Giảng, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2.000.000	1.146.730	57.34	1.143.650	57.18						1.000.000	50.00				
19	Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Rẻ Rào, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng.	2.500.000	1.959.600	78.38	1.000.000	40.00						750.000	30.00				
20	Trường THCS Nà Giảng, xã Ngọc Đào, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2.000.000	98.420	4.92	98.420	4.92						1.200.000	60.00				
21	Trường TH&THCS Cấn Yên, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2.800.000	1.434.260	51.22	2.000.000	71.43						1.500.000	53.57				
22	Trường Tiểu học Đào Ngạn, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.200.000	33.346	2.78	500.000	41.67						600.000	50.00				
23	Trường TH&THCS Thị Xuân, xã Đa Thông, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2.500.000	1.825.670	73.03	2.000.000	80.00						1.250.000	50.00				
24	Trạm Y tế xã Thượng Thôn, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2.000.000	1.633.100	81.66	1.000.000	50.00						1.500.000	75.00				
25	Nhà Văn hóa xã Đa Thông, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.500.000		-		-											giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HĐND tỉnh giám
26	Đập Thủy lợi Khuổi Rẻ, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2.000.000	123.920	6.20	1.000.000	50.00						600.000	30.00				
27	Đập mương Khuổi Diêu - Nà Sai, xã Lương Can, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.000.000	610.150	61.02	500.000	50.00						500.000	50.00				
*	Dự kiến công trình thực hiện theo cơ chế đặc thù	6.000.000		-		-						-	-				
1	Bể nước sinh hoạt các xóm Tềnh Cà Lừa, xã Quý Quán, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.000.000		-		-											giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HĐND tỉnh giám

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 22/12/2022	Tỷ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỷ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú				
							Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỷ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác		
2	Nước sinh hoạt các xóm Hồng Việt, xã Trường Hà, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1,000.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám			
3	Mương Thủy lợi Xóm Nà Tọ, Xóm Cốc Vương, Xã Sóc Hà	1,000.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám			
4	Đường giao thông nội đồng Thiêng Tỏi xóm Địa Long, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	500.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám			
5	Đường GTNT xóm Bàn Láp, xã Quý Quán, huyện Hà Quảng	500.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám			
6	Đường giao thông nội đồng xóm Bàn Chá, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng	500.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	giám ko thực hiện		
7	Đường GTNT Lũng Đáy, xóm Phía Viêng xã Đa Thông, huyện Hà Quảng	500.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	giám ko thực hiện		
8	Đường GTNT Lũng Xông - Lũng Lông xã Trường Hà, huyện Hà Quảng	1,000.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	giám ko thực hiện		
b	Dự án chuẩn bị đầu tư (khởi công mới năm 2023)	4,000.000		-		-							2,000.000	50,00				
*	Công trình không thực hiện theo cơ chế đặc thù	2,400.000		-		-							1,200.000	50,00				
1	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Mai Nưa, Xuân Hòa - xóm Kê Hiệt, xã Ngọc Đào	350.000		-		-							175.000	50,00				
2	Đường giao thông liên xã: Đoạn Tô 6, Thị trấn Thông Nông - Xóm Năm Ngựa, Ngọc Động, huyện Hà Quảng.												-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám			
3	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Nà Chang thị trấn Xuân Hòa - Xóm Lũng Lâu, xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.	350.000		-		-							175.000	50,00				
4	Đường giao thông liên xã: Đoạn Xóm Bàn Láp, Quý Quán - Nà Cháo, Lũng Mát, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	350.000		-		-							175.000	50,00				
5	Nâng cấp Đường giao thông liên xã: Lũng Gà, Đoạn Thượng Thôn - Kéo Co Lý, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng												-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám			
6	Đường giao thông liên xã: Đoạn xóm Pác Bó, Trường Hà- Xóm Bó Shop, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng	200.000		-		-							100.000	50,00				
7	Nhà Văn hóa trung tâm huyện Hà Quảng, tỉnh Cao bằng	200.000		-		-							100.000	50,00				

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Lấy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 22/12/2022	Tỷ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỷ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú		
							Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỷ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác
8	Nhà Văn hóa xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	200.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	
9	Sân Vận động xã Đa Thống, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	350.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	
10	Sân Vận động xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng	200.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	
11	Trường THCS Đào Ngạn, xã Ngoc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	200.000		-		-						100.000	50.00			
12	Nâng cấp, xây mới bờ mương Tô Xuân Vinh - Trạm bơm Huyện đội, Thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng												-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	
*	Dự kiến công trình thực hiện theo cơ chế đặc thù	1.600.000		-		-							-			
1	Mương Thủy lợi Xóm Hòa Chung, xã Ngoc Động, Huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	200.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	
2	Nâng cấp nước sinh hoạt xóm Bàn Gai xã Cản Yên, huyện Hà Quảng	200.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	
3	Mương Thủy lợi Nà Tiêu, Xã Lương Can	200.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	
4	Mương Nà Sáo - Bó Răng xã Cản Yên, huyện Hà Quảng	200.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	
5	Đường GTNT xóm Biên Cương xã cản Yên, huyện Hà Quảng	200.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	
6	Đường GTNT Chi Nội, Xóm Pác Thín, xã Lương Can, huyện Hà Quảng	200.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	
7	Đường giao thông nội đồng xóm Lũng Pươi, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng	200.000		-		-							-		giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Lấy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 22/12/2022	Tỷ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỷ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú				
							Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỷ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác		
8	Đường GTNT Pài Bá, xóm Cột Nưa, xã Tổng Cột, huyện Hà Quảng	200.000		-		-							-				giám ko thực hiện đã có NQ số 76 HDND tỉnh giám	
*	Bổ sung mới năm 2022																	
1	Trường Tiểu học Quý Quân, xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng																Bổ sung mới năm 2022	
2	Đường giao thông liên xã: Đoạn Lũng Luông, Xã Lũng Nặm - Bàn Hoàng, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng																Bổ sung mới năm 2022	
C.3.	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	22.084.000	100.140	-	12.320.000	55.79	-	-	-	-	-	-	11.042.000	50.00				
II.	Đầu tư cấp xã	22.084.000	100.140	-	12.320.000	55.79	-	-	-	-	-	11.042.000	50.00					
I	xã Ngọc Đào	989.000	0.000	-	700.000	70.78						494.500	50.00					
1.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00					
1.2	Đường giao thông nông thôn xóm Bàn Hà, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	450.000		-	300.000	66.67						225.000	50.00					
1.3	Đường giao thông NT Nà Diễn xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	270.000		-	200.000	74.07						135.000	50.00					
1.4	Xây mới nhà văn hóa xóm Đào Nam, xã Ngọc Đào, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	250.000		-	200.000	80.00						125.000	50.00					
2	Xã Lương Can	759.000	0.000	-	500.000	65.88						379.500	50.00					
2.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00					
2.2	Mương Thủy lợi Pác Mú xóm Gặm Dầu, xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	490.000		-	300.000	61.22						245.000	50.00					
2.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Cốc Pàng xóm Cốc Pàng xã Lương Can, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	250.000		-	200.000	80.00						125.000	50.00					
3	xã Sóc Hà	759.000	0.000	-	620.000	81.69						379.500	50.00					
3.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00					
3.2	Đổ bê tông đường nội đồng Cốc Vương-mỏ nước Bó mó-Lũng vai, xóm Nà Nghiêng, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	460.000		-	400.000	86.96						230.000	50.00					
3.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Cốc Vương, xã Sóc Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	220.000	78.57						140.000	50.00					
4	Trường Hà	692.000	0.000	-	500.000	72.25						346.000	50.00					
4.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00					
4.2	Xây kê đá 2 bên, nạo vét đáy kênh tuyến Bó Đãng-Cốc Khon, xóm Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	673.000		-	500.000	74.29						336.500	50.00					
5	Quý Quân	1.259.000	0.000	-	1.000.000	79.43						629.500	50.00					
5.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00					
5.2	Đường giao thông NT Keng tao xóm Lũng Mới xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	660.000		-	500.000	75.76						330.000	50.00					
5.3	Xây mới Nhà văn hóa Lũng Mới xóm Lũng Mới xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	290.000		-	250.000	86.21						145.000	50.00					
5.4	xây mới Nhà văn hóa Tênh Cà Lưai xã Quý Quân, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	290.000		-	250.000	86.21						145.000	50.00					
6	Đa Thông	1.259.000	0.000	-	1.000.000	79.43						629.500	50.00					
6.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00					
6.2	Xây mới nhà văn hóa xóm Phia Viêng xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	220.000	78.57						140.000	50.00					
6.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Lừa xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	220.000	78.57						140.000	50.00					

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Lấy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 22/12/2022	Tỷ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỷ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú			
							Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỷ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác	
6.4	Xây mới nhà văn hóa xóm Ma Pán, xã Đa thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	220.000	78.57						140.000	50.00				
6.5	Xây mới nhà văn hóa xóm Ngọc Sỹ, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	220.000	78.57						140.000	50.00				
6.6	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa xóm Nà Thôn, xã Đa Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	120.000		-	120.000	100.00						60.000	50.00				
7	Cần Yên	1.259.000		-		-						629.500	50.00				
7.1.	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00				
7.2.	Xây mới nhà văn hóa xóm bán Ngâm, xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	220.000	78.57						140.000	50.00				
7.3.	Xây mới nhà văn hóa xóm Biên Cương xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	220.000	78.57						140.000	50.00				
7.4.	Làm đường GTNT Tự Do-Xam Kha xã Cần Yên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	680.000		-	500.000	73.53						340.000	50.00				
8	Mã Ba	1.259.000	0.000	-	1.000.000	79.43						629.500	50.00				
8.1.	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Mã Ba, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00				
8.2.	Nâng cấp đường GTNT Keng Că - Lũng Pình	1.240.000		-	1.000.000	80.65						620.000	50.00				
9	Hồng Sỹ	1.259.000	0.000	-	700.000	55.60						629.500	50.00				
9.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00				
9.2	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng ngàn, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	200.000	71.43						140.000	50.00				
9.3	bê tông đường GTNT Pác Táng-Tả Sùng, xã Hồng Sỹ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	960.000		-	500.000	52.08						480.000	50.00				
10	Lũng Nặm	1.259.000		-		-						629.500	50.00				
10.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00				
10.2	Xây mới nhà văn hóa xóm Nặm Sấn, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	200.000	71.43						140.000	50.00				
10.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Nặm Nhung, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	200.000	71.43						140.000	50.00				
10.4	Xây mới nhà văn hóa xóm Cây Tắc, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	200.000	71.43						140.000	50.00				
10.5	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Tú, xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	200.000	71.43						140.000	50.00				
10.6	nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa xóm Tổng Pô xã Lũng Nặm, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	120.000		-	100.000	83.33						60.000	50.00				
11	Cải Viên	1.259.000	0.000	-	500.000	39.71						629.500	50.00				
11.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00				
11.2	Đổ bê tông đường GTBNT Nhi đứ-Pác Cỏ-Mốc 699-Cỏ phây xã cải Viên, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.240.000		-	500.000	40.32						620.000	50.00				
12	Thượng Thôn	1.259.000	0.000	-	500.000	39.71						629.500	50.00				
11.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00				
12.2	Xây mới Nhà văn hóa xã Thượng Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.240.000		-	500.000	40.32						620.000	50.00				
13	Tổng Cọt	1.259.000	46.780	3.72	700.000	55.60						629.500	50.00				
13.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00				
13.3	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa xóm Cọt Phố, xã tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	200.000		-	200.000	100.00						100.000	50.00				
13.4	Nâng cấp bê tông đường GTNT Lũng Ái-Thiên ngoại, xã tổng Cọt, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1.040.000	46.780	4.50	500.000	48.08						520.000	50.00				
14	Nội Thôn	1.259.000	0.000	-	500.000	39.71						629.500	50.00				
14.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00				

TT	Nguồn vốn, loại dự án, dự án	Kế hoạch vốn năm 2022	Lũy kế vốn thanh toán vốn kế hoạch năm 2022 từ đầu năm đến hết ngày 22/12/2022	Tỉ lệ giải ngân (%)	Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết tháng báo cáo (%)	Tình hình thực hiện		Giải pháp thúc đẩy giải ngân		Dự kiến thời gian xử lý vướng mắc, khó khăn (5)	Đánh giá khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022 (6)		Ghi chú			
							Dự án đang ở giai đoạn nào (1)	Vướng mắc, khó khăn (2)	Đơn vị phối hợp thực hiện (3)	Kiến nghị, đề xuất (4)		Dự kiến khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Tỉ lệ khả năng giải ngân vốn đến hết năm 2022	Kết quả giải ngân thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Vướng mắc, khó khăn thay đổi so với tuần báo cáo trước đó (ghi tắt là Có/Không)	Ghi chú khác	
14.2	Đô bê tổng đường GTNT Lũng Pùng- Lũng Chường, xã Nội Thôn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	1,240.000		-	500.000	40.32						620.000	50.00				
15	Cần Nông	1,259.000	0.000	-	600.000	47.66						629.500	50.00				
15.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Cần Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00				
15.2	Xây mới nhà văn hóa xóm Nà Ca, xã cần Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	200.000	71.43						140.000	50.00				
15.3	Bê tông đường GTNT Cốc Nặm-UBND xã, xóm Tả cấp xã cần Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	960.000		-	400.000	41.67						480.000	50.00				
16	Thanh Long	1,259.000	0.000	-	900.000	71.49						629.500	50.00				
16.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00				
16.2	Xây mới nhà văn hóa xóm Thành Chung xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	200.000	71.43						140.000	50.00				
16.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Gắng Thượng xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	200.000	71.43						140.000	50.00				
16.4	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Lạn xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	200.000	71.43						140.000	50.00				
16.5	Xây mới nhà văn hóa xóm Bình Tâm xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	200.000	71.43						140.000	50.00				
16.6	Cải tạo sửa chữa nhà văn hóa xóm Thượng Hà, xã Thanh Long, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	120.000		-	100.000	83.33						60.000	50.00				
17	Yên Sơn	1,259.000	2.770	0.22	1,000.000	79.43						629.500	50.00				
17.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00				
17.2	Xây mới nhà văn hóa xóm Bình Minh xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	245.000	2.770	1.13	200.000	81.63						122.500	50.00				
17.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Cốc Trà, xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	245.000		-	200.000	81.63						122.500	50.00				
17.4	Xây mới nhà văn hóa xóm Cốc Lũng xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	250.000		-	200.000	80.00						125.000	50.00				
17.5	Xây mới nhà văn hóa xóm Ngâm Vạng xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	250.000		-	200.000	80.00						125.000	50.00				
17.6	Xây mới nhà văn hóa xóm Vài Thai xã Yên Sơn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	250.000		-	200.000	80.00						125.000	50.00				
18	Ngọc Động	1,259.000	50.590	4.02	700.000	55.60						629.500	50.00				
18.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00				
18.2	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa xóm Ngọc Chung, xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000	7.150	2.55	200.000	71.43						140.000	50.00				
18.3	Xây mới nhà văn hóa xóm VH xóm Cốc Phát xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	300.000	3.390	1.13	200.000	66.67						150.000	50.00				
18.4	Bê tông đường giao thông nông thôn Cốc Phát xã Ngọc Động, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	660.000	40.050	6.07	300.000	45.45						330.000	50.00				
19	Lương Thông	1,259.000	0.000	-	900.000	71.49						629.500	50.00				
19.1	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	19.000		-		-						9.500	50.00				
19.2	nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa xóm Quốc Thái, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	120.000		-	100.000	83.33						60.000	50.00				
19.3	Xây mới nhà văn hóa xóm Trà Phìn, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	200.000	71.43						140.000	50.00				
19.4	Xây mới nhà văn hóa xóm Ngọc Sỹ, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	200.000	71.43						140.000	50.00				
19.5	Xây mới nhà văn hóa xóm Lũng Tý, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	200.000	71.43						140.000	50.00				
19.6	Xây mới nhà văn hóa xóm Hồng Thái, xã Lương Thông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	280.000		-	200.000	71.43						140.000	50.00				